

Số: 1365 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày ..... tháng ... năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;  
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty TNHH vật liệu mới Aoxiang Việt Nam tại Văn bản số 03/CV-MT.24 ngày 09 tháng 05 năm 2024 về việc đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và Văn bản 0207/GPMT.MT ngày 02 tháng 07 năm 2024 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Nhà máy sản xuất nguyên vật liệu VietNam Aoxiang tại lô 42-2-2, đường N16, Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 406.../TTr-STNMT ngày 09 tháng 7 năm 2024,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH vật liệu mới Aoxiang Việt Nam địa chỉ tại Khu công nghiệp Phước Đông, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất nguyên vật liệu VietNam Aoxiang tại lô 42-2-2, đường N16, Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất nguyên vật liệu VietNam Aoxiang.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: lô 42-2-2, đường N16, Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- 1.3 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại mã số Dự án 9866743546 ngày 02/01/2014 chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 16/4/2018 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp.
- 1.4. Mã số thuế: 3901179693.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất phụ gia ngành dệt (phụ gia làm mềm sau hoàn thiện, phụ gia chất tẩy rửa nhuộm màu, kiểm gia cố màu, chất làm đều màu, chất lọc thâm thấu tiền xử lý).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích đất sử dụng: 34.008 m<sup>2</sup>.

- Quy mô, công suất: sản xuất phụ gia ngành dệt 9.000 tấn/năm (phụ gia làm mềm sau hoàn thiện 3.000 tấn/năm, phụ gia chất tẩy rửa nhuộm màu 2.000 tấn/năm, kiểm gia cố màu 1.000 tấn/năm, chất làm đều màu 1.000 tấn/năm, chất lọc thâm thấu tiền xử lý).

- Dự án thuộc nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH vật liệu mới Aoxiang Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH vật liệu mới Aoxiang Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH

vật liệu mới Aoxiang Việt Nam hoặc tại trụ sở UBND xã Phước Đông; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất nguyên vật liệu VietNam Aoxiang của Công ty TNHH vật liệu mới Aoxiang Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế, các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- BQLKKT;
- UBND huyện Gò Dầu;
- UBND xã Phước Đông;
- Cty TNHH vật liệu mới Aoxiang Việt Nam;
- Đăng tải trang thông tin điện tử Sở TNMT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh. *n/*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

**Phụ lục 1**  
**THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1065...../GPMT – UBND  
ngày 14 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

- Nước thải sau hệ thống xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung số 04 của Khu công nghiệp Phước Đông (không xả ra môi trường).

- Đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phước Đông theo hợp đồng đã ký giữa Công ty và đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp: Biên bản thỏa thuận đầu nối số 106/CV-SVI ngày 25/01/2016; Hợp đồng xử lý nước thải số 193/2016/HĐ-SVI ngày 14/10/2016.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải:**

- Nguồn số 01: nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại văn phòng, khu vực nhà xưởng, nhà nghỉ giữa ca với lưu lượng lớn nhất là 7 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó dẫn bằng đường ống ngầm HDPE D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 35 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của Dự án để xử lý.

- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn tại nhà nghỉ giữa ca, với lưu lượng khoảng 1,26 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom về bể tách dầu sau đó dẫn bằng đường ống ngầm HDPE D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 35 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của Dự án để xử lý.

- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi với lưu lượng khoảng 0,5 m<sup>3</sup>/ngày dẫn bằng đường ống nhựa PVC D100 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 35 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của Dự án để xử lý.

- Nguồn 04: nước thải phát sinh từ công đoạn vệ sinh bồn trộn nguyên liệu với lưu lượng lớn nhất 4,6 m<sup>3</sup>/ngày dẫn bằng mương thoát nước 30 x 30 (cm) và đường ống D200 về 01 bể chứa bằng bê tông cốt thép có thể tích 13,73 m<sup>3</sup> (kích thước D x R x L = 2,6 x 2,2 x 2,4); sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại.

- Nguồn 05: nước thải phát sinh từ 02 hệ thống xử lý hơi hóa chất với lưu lượng 1 m<sup>3</sup>/ngày thu gom bằng ống nhựa PVC D100 và đầu nối vào hệ thống thu gom

sau đó dẫn bằng đường ống ngầm HDPE 200 dọc đường nội bộ về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 35 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của Dự án để xử lý.

- Công trình thoát nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận:

+ Nước thải sau hệ thống xử lý dẫn bằng đường ống uPVC D200mm dài 165 m xả ra hố ga thoát nước thải nằm trên đường N16 dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung số 04 của Khu công nghiệp Phước Đông.

+ Tọa độ: X= 1231923; Y =290298 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

+ Lưu lượng đầu nổi lớn nhất: 35 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Điểm đầu nổi nước thải: hố ga đầu nổi nước thải (thiết kế điểm xả nước thải phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 01 m<sup>2</sup> và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải).

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

### 1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → bể tự hoại → đường ống thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung Dự án.

- Số lượng và dung tích: 5 bể có tổng dung tích 44 m<sup>3</sup> (03 bể dung tích 10 m<sup>3</sup>/bể; 02 bể dung tích 7 m<sup>3</sup>/bể).

### 1.2.2. Công trình xử lý sơ bộ nước thải nhà ăn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → bể lắng dầu → đường ống thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- Số lượng và dung tích bể tách dầu: 01 bể có dung tích 2 m<sup>3</sup>.

### 1.2.3. Công trình xử lý sơ bộ nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải (bao gồm: nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại, nước thải từ nhà ăn sau khi qua bể tách dầu, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nước thải từ 02 hệ thống xử lý hơi hóa chất) → bể điều hòa → cụm bể phản ứng, lắng đợt 1 → cụm bể phản ứng, lắng đợt 1 → bể sinh học A/O (kết hợp hai quá trình kết hợp thiếu khí và hiếu khí) → bể siêu lọc MBR (công nghệ lọc màng) → bể chứa nước trung gian → hố gas thoát nước thải sau xử lý.

- Công suất thiết kế: 35 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, PAM.

### 1.2.4. Nước thải từ vệ sinh bồn trộn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ vệ sinh bồn trộn → bể chứa bằng bê tông cốt thép → ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý chất thải nguy hại.

- Số lượng và dung tích: 01 bể dung tích 13,7 m<sup>3</sup> (D x R x L = 2,6 x 2,2 x 2,4 (m)).

### **1.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống vào sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống thu gom nước thải.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:**

Từ ba (03) đến sáu (06) tháng kể từ khi đưa Dự án vào vận hành thử nghiệm.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

Một (01) hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 35 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu:**

Một (01) mẫu nước thải đầu ra tại hố ga thoát nước thải sau xử lý.

#### **2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:**

- Thông số: pH, nhiệt độ, độ màu, SS, BOD<sub>5</sub>, COD, dầu mỡ khoáng, coliform.
- Giá trị giới hạn: yêu cầu đầu nổi của Khu công nghiệp Phước Đông.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu:**

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG, không xả trực tiếp ra môi trường và hệ thống thoát nước mưa.

3.2. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng đầu vào, đầu ra. Thường xuyên kiểm định, hiệu chuẩn đồng hồ theo quy định; lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải sinh hoạt.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.4. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, Công ty phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo quy định.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải của Dự án vào hệ thống thu gom nước thải chung dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung số 04 của Khu công nghiệp Phước Đông.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT – UBND  
ngày 14 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải từ lò hơi công suất 1.000 kg/giờ sử dụng nhiên liệu DO.

Bụi và khí thải từ nhà xưởng 4:

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng bột dung tích 2.000 lít tại nhà xưởng 4;

- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng bột dung tích 2.000 lít tại nhà xưởng 4;

- Nguồn số 04: Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng lỏng dung tích 5.000 lít tại nhà xưởng 4;

- Nguồn số 05: Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng lỏng dung tích 3.000 lít tại nhà xưởng 4;

- Nguồn số 06: Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng lỏng dung tích 5.000 lít tại nhà xưởng 4;

- Nguồn số 07: Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng lỏng dung tích 5.000 lít tại nhà xưởng 4;

- Nguồn số 08: Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng lỏng dung tích 5.000 lít tại nhà xưởng 4;

- Nguồn số 09: Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng lỏng dung tích 2.000 lít tại nhà xưởng 4;

Bụi và khí thải từ nhà xưởng 6:

- Nguồn số 10: Bụi phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng bột dung tích 2.000 lít tại nhà xưởng 6;

- Nguồn số 11: Bụi phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng bột dung tích 5.000 lít tại nhà xưởng 6;

- Nguồn số 12: Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng lỏng dung tích 10.000 lít tại nhà xưởng 6;

- Nguồn số 13: Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng lỏng dung tích 10.000 lít tại nhà xưởng 6;

- Nguồn số 14: Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng lỏng dung tích 10.000 lít tại nhà xưởng 6;



- Nguồn số 15: Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng lỏng dung tích 10.000 lít tại nhà xưởng 6;
- Nguồn số 16: Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng lỏng dung tích 5.000 lít tại nhà xưởng 6;
- Nguồn số 17: Hơi hóa chất phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng lỏng dung tích 5.000 lít tại nhà xưởng 6.

## **2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

### **2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: tại ống thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi. Tọa độ vị trí xả thải: X= 1231921; Y= 590245.
- Dòng khí thải số 02: tại ống thải sau hệ thống xử lý bụi chung của nguồn số 2 và số 03. Tọa độ vị trí xả thải: X= 1231941; Y= 590243.
- Dòng khí thải số 03: tại ống thải sau hệ thống xử lý bụi chung của nguồn số 04, 05, 06, 07, 08, 09. Tọa độ vị trí xả thải: X= 1231792; Y = 590420.
- Dòng khí thải số 04: tại ống thải sau hệ thống xử lý bụi chung của nguồn số 10, 11. Tọa độ vị trí xả thải: X= 1231941; Y= 590243.
- Dòng khí thải số 05: tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi hoá chất chung của nguồn 12, 13, 14, 15, 16, 17. Tọa độ vị trí xả thải: X= 1231844; Y = 590465.

*(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )*

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Dự án tại lô số 42-2-2 đường N16, Khu công nghiệp Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

### **2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.868 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 800 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 800 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.000 m<sup>3</sup>/giờ.

#### **2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

Dòng khí thải từ số 01 đến số 05: khí thải xả ra môi trường thông qua ống thoát; xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Dòng thải từ 01, 02, 04 các chỉ tiêu đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về khí thải Công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, áp dụng cột B, K<sub>p</sub>= 0,9 và K<sub>v</sub>=1. Dòng 03, 05 các chỉ tiêu cần đạt QCVN 20:2009/BTNMT- Quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về khí thải Công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, áp dụng cột B,  $K_p=0,9$  và  $K_v=1$  trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>Dòng số 01</b>				
Lưu lượng	M <sup>3</sup> /h	-	Không thực hiện quan trắc định kỳ, do Công ty sử dụng nhiên liệu dầu DO	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP
Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180		
SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	450		
NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	765		
<b>Dòng số 02, 04</b>				
Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP
Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180		
<b>Dòng số 03, 05</b>				
Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP
Styren	mg/Nm <sup>3</sup>	100		
HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	50		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

### **1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 1.000 kg/giờ sử dụng nhiên liệu DO được thu gom về hệ thống xử lý khí thải để xử lý theo phương án khí thải sau hệ thống xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT, hệ số  $K_p=0,9$  và  $K_v=1$ ; sau đó thoát ra ống thải cao 15m.

- Nguồn số 02 và số 03: tại mỗi nguồn lắp đặt đường ống thu gom bụi riêng biệt dẫn về 01 hệ thống xử lý bụi công suất 800 m<sup>3</sup>/h để xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT hệ số  $K_p=0,9$  và  $K_v=1$  sau đó khí thải ống thải cao 8m.

- Nguồn số 04 đến nguồn số 09: hơi hóa chất phát sinh tại mỗi nguồn sẽ thoát qua thiết bị làm lạnh bằng nước, phần hóa chất được làm lạnh tuần hoàn quay lại bồn trộn, phần hơi hóa chất còn lại thoát ra bằng đường ống D60 dẫn chung về 01 hệ thống xử lý hơi hóa chất công suất 1.000 m<sup>3</sup>/h để xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ cột B hệ số  $K_p=0,9$  và  $K_v=1$  sau đó thoát ra môi trường thông qua ống thải cao 15m.

- Nguồn số 10 và số 11: tại mỗi nguồn lắp đặt đường ống thu gom riêng biệt dẫn về hệ 01 thống xử lý bụi công suất 800 m<sup>3</sup>/h để xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT hệ số  $K_p=0,9$  và  $K_v=1$  sau đó thoát ra ống thải cao 8m.

- Nguồn số 12 đến nguồn số 17: hơi hóa chất phát sinh từ tại mỗi nguồn thoát qua thiết bị làm lạnh bằng nước, phần hóa chất được làm lạnh tuần hoàn quay lại bồn trộn, phần hơi hóa chất còn lại thoát ra bằng đường ống D60 dẫn chung về 01 hệ thống xử lý hơi hóa chất công suất 1.000 m<sup>3</sup>/h để xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ cột B, hệ số  $K_p=0,9$  và  $K_v=1$  sau đó thoát ra môi trường thông qua ống thải cao 15m.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải, bụi phát sinh từ lò hơi (sử dụng nhiên liệu DO):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải, bụi → Quạt hút → Thiết bị hấp thụ (sử dụng dung dịch kiềm) → Ống thải (D305mm, H15m).

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 1.868 m<sup>3</sup>/h

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch kiềm (NaOH).

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi từ quá trình trộn nguyên liệu dạng bột tại nhà xưởng 04:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: bụi → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống thải (D114mm, H8m).

- Công suất thiết kế: 800 m<sup>3</sup>/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: túi vải.

1.2.3. Hệ thống xử lý hơi hóa chất phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng lỏng của 06 bồn trộn tại nhà xưởng 04:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi hóa chất → Thiết bị làm lạnh (sử dụng nước) → Tháp hấp thụ (sử dụng dung dịch kiềm và có thiết bị tách ẩm) → Tháp hấp phụ (bằng than hoạt tính) → Ống thải (D150mm, H15m).

- Công suất thiết kế: 1.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: nước, than hoạt tính, dung dịch kiềm (NaOH).

1.2.4. Hệ thống xử lý bụi từ quá trình trộn nguyên liệu dạng bột tại nhà xưởng 06:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Thiết bị lọc bụi (túi vải) → Ống thải (D114mm, H8m).

- Công suất thiết kế: 800 m<sup>3</sup>/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: túi vải.

1.2.5. Hệ thống xử lý hơi hóa chất phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng lỏng của 06 bồn trộn tại nhà xưởng 06:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi hóa chất → Thiết bị làm lạnh (sử dụng nước) → Tháp hấp thụ (sử dụng dung dịch kiềm và có thiết bị tách ẩm) → Tháp hấp phụ (bằng than hoạt tính) → Ống thải (D150mm, H15m).

- Công suất thiết kế: 1.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: nước, than hoạt tính, dung dịch kiềm (NaOH).

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:**

Từ ba (03) đến sáu (06) tháng kể từ khi đưa Dự án vào vận hành thử nghiệm.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

- 01 Hệ thống xử lý khí thải, bụi phát sinh từ lò hơi DO.
- 01 Hệ thống xử lý bụi từ quá trình trộn nguyên liệu dạng bột tại nhà xưởng 04.
- 01 Hệ thống xử lý bụi từ quá trình trộn nguyên liệu dạng bột tại nhà xưởng 06.
- 01 Hệ thống xử lý phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng lỏng của 06 bồn trộn tại nhà xưởng 04.

- 01 Hệ thống xử lý hơi hóa chất phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu dạng lỏng của 06 bồn trộn tại nhà xưởng 06.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường.

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

#### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải và hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải, hơi hóa chất không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *15.65*.../GPMT – UBND  
ngày *12* tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính:**

- Nguồn số 01: phát sinh từ hoạt động máy móc thiết bị tại nhà xưởng 04;
- Nguồn số 02: phát sinh từ hoạt động máy móc thiết bị tại nhà xưởng 06;
- Nguồn số 03: phát sinh từ hoạt động của lò hơi dùng nhiên liệu dầu DO công suất 1 tấn/h;
- Nguồn số 04: phát sinh từ hoạt động của máy bơm, máy thổi khí tại trạm xử lý nước thải;
- Nguồn số 05: phát sinh từ hoạt động của quạt hút của hệ thống xử lý hơi hóa chất tại nhà xưởng 04;
- Nguồn số 06: phát sinh từ hoạt động của quạt hút của hệ thống xử lý hơi hóa chất tại nhà xưởng 06.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Vị trí số 01 (tương ứng nguồn số 01): X= 1231804; Y = 590444;
- Vị trí số 02 (tương ứng nguồn số 02): X= 1231835; Y = 590465;
- Vị trí số 03 (tương ứng nguồn số 03): X= 1231739; Y = 563154;
- Vị trí số 04 (tương ứng nguồn số 04): X= 1231807; Y = 590489;
- Vị trí số 05 (tương ứng nguồn số 05): X= 1231792; Y = 590420;
- Vị trí số 06 (tương ứng nguồn số 06): X= 1231844; Y = 590465.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	1 năm/lần	Khu vực thông thường

## 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 đến 21 giờ	Từ đến 6 giờ		
1	70	60	1 năm/lần	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

## 1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.
- Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.
- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

## 1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phốt,...
- Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.
- Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT – UBND*  
*ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	6	NH
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	120	KS
3	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	16.645	KS
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	24.333	KS
5	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	Rắn	5.598	KS
6	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 04	Lỏng	24	NH
7	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Lỏng	24	KS
8	Nước thải có chứa thành phần nguy hại	19 01 01	Lỏng	872.500	NH
9	Bụi từ hệ thống xử lý khí thải	18 02 01	Rắn	250	KS
10	Túi vải thải		Rắn	4	
11	Than hoạt tính bão hòa	18 02 01	Rắn	374,4	KS
<b>Tổng</b>				<b>919.878,4</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy vụn văn phòng	18 01 05	Rắn	24
2	Bao bì đóng gói và nhãn mác hỏng không nhiễm thành phần nguy hại	19 03 03	Rắn	240



TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
3	Hộp mực in thải	08 02 06	Rắn	6
<b>Tổng</b>				<b>270</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên	70

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bùn thải: được chứa tại nhà điều hành của trạm xử lý nước thải.
- Nước thải có chứa thành phần nguy hại được chứa tại hồ chứa có thể tích 13,7 m<sup>3</sup>.
- Các loại chất thải rắn nguy hại khác được chứa trong thùng PVC có dán mã số phân loại, thể tích 120 lít, số lượng 7 thùng.

#### 2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 40m<sup>2</sup> tại nhà kho 03.
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông gạch vỡ để chống thấm, có rãnh và hồ thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy đựng nước lẫn dầu, thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.1.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Lưu chứa trong thùng chứa 240 lít đặt trong nhà chứa chất thải công nghiệp thông thường.

#### 2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 20m<sup>2</sup> tại nhà kho 03.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kho được dán nhãn Khu vực chứa chất thải công nghiệp không nguy hại. Có tường bao và mái che, nền gia cố bằng bê tông gạch vỡ để chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.2.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

#### **2.3.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Bố trí các thùng rác PVC dung tích 24-120 lít đặt trong khu vực sản xuất, văn phòng, căn tin thu gom chất thải sinh hoạt.

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân làm hai loại: vô cơ (vỏ đồ hộp, các loại chai nhựa, chai thủy tinh, túi nylon) và hữu cơ (thức ăn thừa, động thực vật thải bỏ).

- Cuối ngày (hoặc khi rác đầy) công nhân vệ sinh sẽ đưa chất thải sinh hoạt ra thùng rác PVC 240 lít tại khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

#### **2.3.2. Biện pháp xử lý:**

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ vào chuyên, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng. Lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

### **2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:**

- Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống thấm và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng phó sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheet) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Dự án theo quy định.

- Về kho chứa hóa chất: thiết kế kho chứa hóa chất đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và các yêu cầu về kho chứa quy định tại Mục 5 QCVN 05:2020/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

### **3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số *1355*/GPMT – UBND  
 ngày *10* tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Không có.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt thu gom về bể tự hoại, nước thải từ nhà ăn thu gom về bể tách dầu, nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi và nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý hơi hóa chất để xử lý đạt yêu cầu tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Phước Đông trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của Khu công nghiệp Phước Đông. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường; các loại nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý như chất thải nguy hại.

- Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với các hệ số  $K_p=0,9$  và  $K_v=1$ , QCVN 20:2009/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý để kiểm



soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.

- Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Thực hiện công khai thông tin môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải của kỳ quan trắc gần nhất trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại cổng Dự án. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi có kết quả quan trắc chất thải định kỳ cho đến thời điểm công khai kết quả quan trắc định kỳ mới theo quy định./.